TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST
Ngày: 04-7-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Dũng

2. Ông Lê Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H1, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn B, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ H2, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn B, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp TĐ, xã LT, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn T., sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn B, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp TĐ, xã LT, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bà H1 có mặt; chị H2 và anh T. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-01-2018; đơn khởi kiện bổ sung ngày 15-01-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị H1 trình bày: Do quen biết với nhau nên vào ngày 19-3-2017 Âm lịch bà có cho chị Huỳnh Thị Mỹ H2 vay số tiền là 100.000.000 đồng, chị H2 nói mục đích vay là trả tiền ngân hàng, sinh hoạt gia đình, hẹn nữa tháng sẽ trả. Khi vay thì chị H2 có làm giấy tay. Hai bên thỏa thuận miệng là lãi 3%/tháng, thời hạn vay 1/2 tháng, khi vay tiền chồng chị H2 là anh Nguyễn Văn T. không đi cùng, nhưng cũng biết việc này, vì tiền này chị H2 vay để sinh hoạt gia đình, khi bà đến nhà đòi thì anh T. cũng biết, nhưng từ khi vay đến nay thì chị H2, anh T. không trả tiền gốc cũng như tiền lãi cho bà.

Tại phiên Tòa bà giữ nguyên yêu cầu chị H2 và anh T. cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc là 100.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Mỹ H2 đã trình bày:

Từ năm 2000, chị có vay tiền thường xuyên của bà H1 nhưng đã trả xong. Hiện nay còn thiếu lại khoảng vay ngày 19-3-2017 Âm lịch 100.000.000 đồng như bà H1 trình bày. Khi vay có làm giấy nợ như bà H1 trình bày. Hai bên thõa thuận lãi suất là 3%/tháng, chị đóng được 3 tháng tiền lãi nhưng không có gì chứng minh. Mục đích vay tiền là do thời điểm này vợ chồng mở tiệm bán đồ điện, làm ăn thất bại nên thiếu tiền nhiều người, chị vay tiền của bà H1 để trả tiền cho những chủ nợ khác. Chị cho rằng việc chị vay tiền thì chồng chị là anh Nguyễn Văn T. không biết.

Nay chị chấp nhận trả cho bà H1 là 100.000.000 đồng, không yêu cầu khấu trừ lãi. Chị xác định không yêu cầu anh T. có nghĩa vụ trả nợ chung với chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T. đã trình bày:

Trước đây vợ chồng anh có qua lại vay tiền của bà H1 nhiều lần, mỗi lần vay khoảng 3.000.000 đồng nhưng cũng đã trả xong. Đối với khoảng vay 100.000.000 đồng mà chị H2 ký vay với bà H1 vào ngày 19-3-2017 AL, khi vay thì anh không biết nhưng sau này chị H2 có nói với anh, mục đích vay tiền của chị H2 là gì anh không rõ nhưng anh đồng ý cùng chị H2 có nghĩa vụ trả cho bà H1 100.000.000 đồng như bà H1 yêu cầu.

Anh T. trình bày ý kiến nhưng không đồng ý ký tên vào Biên bản, cũng không đến Tòa án trình bày, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của bà H1, buộc chị H2 và anh T. trả cho bà H1 số tiền là 100.000.000 đồng, ghi nhận bà H1 không yêu cầu tính lãi.

Án phí: Chị H2 và anh T. phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Huỳnh Thị Mỹ H2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T. được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H2, anh T. theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Qua lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa bà H1 với chị H2 và anh T. là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hình thức vay có lãi và có thời hạn, các bên tham gia tự nguyện không trái pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, trong quá trình thực hiện vợ chồng chị H2 , anh T. vi phạm nghĩa vụ thanh toán, bà H1 đã khởi kiện.

[3] Xét yêu cầu của bà H1 thì thấy:

Bà H1 và chị H2 thống nhất có việc xác lập giao dịch vay tài sản vào ngày 19-3-2017 âm lịch, cụ thể bà H1 có cho chị H2 vay 100.000.000 đồng, có làm giấy tay ngày 19-3-2017 AL do chị H2 ký vay. Khi vay anh T. không biết nhưng sau đó chị H2 có nói cho anh T. biết về việc vay tiền này, anh đồng ý đây là nợ chung của vợ chồng anh chị đồng thời thừa nhận anh và chị H2 cùng có nghĩa

vụ trả cho bà H1 100.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của bà H1. Do đó có đủ cơ sở xác định chị H2 và anh T. có nợ bà H1 100.000.000 đồng chưa trả.

Về nghĩa vụ trả nợ, bà H1 yêu cầu chị H2 và anh T. cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc là 100.000.000 đồng, chị H2 thừa nhận nợ và đồng ý trả cho bà H1 100.000.000 đồng, không yêu cầu khấu trừ số tiền lãi chị đã trả do chị không có gì chứng minh việc chị đã trả lãi, chị không yêu cầu anh T. có nghĩa vụ trả nợ cùng chị vì khi vay thì anh T. không biết. Tuy nhiên anh T. xác định sau khi chị H2 vay 100.000.000 đồng của bà H1 khi bà H1 tới nhà đòi nợ, do số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên dù anh không biết chị H2 vay tiền vào thời gian nào, mục đích vay là gì nhưng anh chấp nhận anh cùng có nghĩa vụ trả nợ với chị H2, đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H1. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, chị H2 xác định mục đích vay tiền của bà H1 là trả nợ do thời điểm này tiệm bán đồ điện của vợ chồng chị làm ăn thất bại nên thiếu tiền nhiều người, đồng thời nguồn thu nhập chính của vợ chồng là từ cửa hàng buôn bán này, nên có cơ sở để xác định số tiền chị H1 vay của bà H1 là nợ chung của chị H1 và anh T. trong thời kỳ hôn nhân của hai anh chị. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H1, buộc chị H2 và anh T. cùng có nghĩa vụ trả cho bà H1 là 100.000.000 đồng. Ghi nhận bà H1 không yêu cầu anh T. và chị H1 trả lãi.

[4] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mỹ H2 và anh Nguyễn Văn T. phải chịu án phí theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 470 của bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H1 đối với chị Huỳnh Thị Mỹ H2 và anh Nguyễn Văn T..

Buộc chị Huỳnh Thị Mỹ H2 và anh Nguyễn Văn T. cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H1 số nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà H1 không yêu cầu trả lãi.

Kể từ ngày bà Lê Thị H1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Huỳnh Thị Mỹ H2 và anh Nguyễn Văn T. chưa thi hành án xong tất cả các khoản tiền cho bà Lê Thị H1 thì hàng tháng chị Huỳnh Thị Mỹ H2 và anh Nguyễn Văn T. còn phải trả cho bà Lê Thị H1 số tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Chị Huỳnh Thị Mỹ H2 và anh Nguyễn Văn T. phải chịu 5.000.0000 (năm triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị H1 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0021219 ngày 04-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với chị H2 và anh T. có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Mai